

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 - 03 - 2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Lê Thị Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp P Th, xã P S (xã P T cũ), huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Anh **Doãn Văn Trung H1**, sinh năm 1994, địa chỉ: Ấp P Y, xã P S (xã P T cũ), huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 13/8/2024 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Doãn Văn Trung H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/11/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, chị và anh H1 không còn chung sống với nhau từ năm 2018. Hiện nay, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doãn Văn Trung H1.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh H1 có 01 (một) con chung là Doãn Thiên P, sinh ngày 13/5/2016 hiện đang do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu P cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh H1 không có nợ chung bắt kỳ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt ghi ngày 27/02/2025, bị đơn anh Doãn Văn Trung H1 trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2015. Vợ chồng sống chung đến năm 2018 thì sống ly thân cho đến nay do không hòa hợp. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H có 01 (một) con chung là Doãn Thiên P, sinh ngày 13/5/2016. Từ khi sống ly thân, cháu P do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Doãn Văn Trung H1; về con chung: Giao cháu Doãn Thiên P, sinh ngày 13/5/2016 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H1 không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Anh Doãn Văn Trung H1 cư trú tại Ấp P Y, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1 và giải quyết việc nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Chị H khởi kiện đối với anh H1. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh H1 là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 03 tháng 11 năm 2015. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi chị H yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của chị H và anh H1 và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 sự có xảy ra mâu thuẫn, bất hòa với nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh H1 cũng đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 01 (một) con chung là Doãn Thiên P, sinh ngày 13/5/2016. Xét thấy, từ khi chị H và anh H1 sống ly thân, cháu P do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu P cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 đồng ý chấp nhận. Vì vậy, giao cháu P cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đúng pháp luật. Anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh H1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Doãn Văn Trung H1.

1.2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Doãn Thiên P, sinh ngày 13/5/2016 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Doãn Văn Trung H1 có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Doãn Văn Trung H1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Doãn Văn Trung H1 khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0013507 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P S (P T cũ), huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 76 ngày 03/11/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuân